



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU ĐIỆN
VÀ VIỄN THÔNG SÂM CƯỜNG**

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
đã được kiểm toán

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	05 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08 - 08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 09
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 21

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Vật Liệu Điện và Viễn Thông Sam Cường (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Khái quát

Công ty Cổ Phần Vật Liệu Điện và Viễn Thông Sam Cường là công ty cổ phần được thành lập theo theo giấy đăng ký kinh doanh số 4703000342 ngày 20 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Theo giấy đăng ký kinh doanh số 4703000342 ngày 20 tháng 10 năm 2006 lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là: Sản xuất, lắp ráp các thiết bị, vật liệu điện và viễn thông. Mua bán, xuất nhập khẩu, đại lý ký gửi: thiết bị, nguyên vật liệu điện và viễn thông, hàng kim khí điện máy. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Trang trí nội thất.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Đường số 1, Khu công nghiệp Long Thành, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai.

Văn phòng giao dịch đặt tại số 95 Huỳnh Đình Hai, Phường 14, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm 2008 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Hồ Thị Thu Hương	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 05/10/2006
Bà Ngô Xuân Đào	Ủy viên HĐQT	Đến ngày 01/01/2009
Ông Phạm Ngọc Tuấn	Ủy viên HĐQT	Đến ngày 20/11/2008
Ông Đỗ Đức Dục	Ủy viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 05/10/2006
Ông Nguyễn Thiện Cảnh	Ủy viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 18/12/2008

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng bao gồm:

Ông Nguyễn Thiện Cảnh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09/10/2006
Ông Bùi Vũ Văn Hòa	P.Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31/10/2006
Bà Nguyễn Thị Phụng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 09/10/2006

Các thành viên của Ban Kiểm soát:

Ông Nguyễn Văn Trường	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 05/10/2006
Ông Trần Hoàng Nam	Thành viên	Đến ngày 18/12/2008
Bà Phạm Thị Thanh Thủy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18/12/2008

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám Đốc



Nguyễn Thiện Cảnh
Tổng Giám Đốc

Đồng Nai, ngày 03 tháng 02 năm 2009





CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)
29 Hoàng Sa, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Tel: (84-8) 39103908; 39104881 - Fax: (84-8) 39104880

Số :14...../BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2008
của Công ty Cổ Phần Vật Liệu Điện và Viễn Thông Sam Cường

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ Phần Vật Liệu Điện và Viễn Thông Sam Cường

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần Vật Liệu Điện và Viễn Thông Sam Cường (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 03/02/2009 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 được trình bày từ trang 05 đến trang 21 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Giới hạn của phạm vi kiểm toán

Công việc kiểm toán nhằm đưa ra ý kiến về tình hình tài chính theo các thủ tục kiểm toán báo cáo tài chính thông thường, không nhằm đưa ra ý kiến về giá trị quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành, việc này chỉ thực hiện được khi tiến hành các thủ tục kiểm toán đặc thù áp dụng riêng cho quyết toán vốn đầu tư các công trình cơ bản hoàn thành đưa vào sử dụng trong kỳ, đang tạm tăng tài sản ở khoản mục Tài sản cố định hữu hình.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Vật Liệu Điện và Viễn Thông Sam Cường tại ngày 31/12/2008, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2008, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)

Giám đốc



Nguyễn Thị Lan

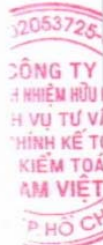
Chứng chỉ KTV số: 0167/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2009

Kiểm toán viên

Cao Thị Hồng Nga

Chứng chỉ KTV số: 0613/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
A. Tài sản ngắn hạn	100		14.320.038.681	22.557.657.634
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		430.479.113	5.236.785.677
1. Tiền	111	V.01	430.479.113	5.236.785.677
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.454.173.421	9.543.483.458
1. Phải thu khách hàng	131		6.068.646.799	3.567.558.557
2. Trả trước cho người bán	132		94.421.818	4.759.619.204
5. Các khoản phải thu khác	135	V.02	1.291.104.804	1.216.305.697
IV. Hàng tồn kho	140		5.935.367.328	6.529.640.993
1. Hàng tồn kho	141	V.03	5.935.367.328	6.529.640.993
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		500.018.819	1.247.747.506
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		145.061.229	368.715.167
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	536.608.765
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	V.04	299.621.090	305.175.180
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		55.336.500	37.248.394
B. Tài sản dài hạn	200		20.149.512.680	13.191.268.053
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		18.059.248.284	12.074.959.053
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	12.833.400.252	2.258.701.564
- Nguyên giá	222		15.479.052.683	2.906.797.284
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.645.652.431)	(648.095.720)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.06	5.225.848.032	5.334.647.616
- Nguyên giá	228		5.461.580.464	5.461.580.464
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(235.732.432)	(126.932.848)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	-	4.481.609.873
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.820.680.000	1.116.309.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.08	1.820.680.000	1.116.309.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		269.584.396	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	259.584.396	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		10.000.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		34.469.551.361	35.748.925.687



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
A. Nợ phải trả	300		6.435.006.572	8.410.620.142
I. Nợ ngắn hạn	310		6.402.056.572	8.410.620.142
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả cho người bán	312		3.391.571.657	5.000.877.616
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	314	V.10	169.387.225	97.443.368
5. Phải trả công nhân viên	315		608.652.130	1.100.750.010
6. Chi phí phải trả	316	V.11	57.981.250	48.428.500
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.12	2.174.464.310	2.163.120.648
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		32.950.000	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		32.950.000	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
B. Vốn chủ sở hữu	400		28.034.544.789	27.338.305.545
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	27.004.921.973	26.638.179.459
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.590.255.766	1.348.513.252
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		414.666.207	289.666.207
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		1.029.622.816	700.126.086
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		1.029.622.816	700.126.086
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		34.469.551.361	35.748.925.687



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại		-	7,79
- USD		-	7,79
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



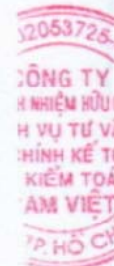


Trần Văn Dương

Nguyễn Thị Phương

Nguyễn Thiện Cảnh

Đồng Nai, Ngày 03 tháng 02 năm 2009



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2008

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (*)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	34.140.232.065	39.493.314.392
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	75.324.800	88.837.600
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	34.064.907.265	39.404.476.792
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.04	28.055.208.572	29.085.303.013
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.009.698.693	10.319.173.779
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	48.837.416	911.046.261
7. Chi phí tài chính	22	VI.06	203.971	28.655.564
<i>Trong đó : Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		869.417.670	720.186.113
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.738.154.517	4.709.944.215
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.450.759.951	5.771.434.148
11. Thu nhập khác	31		215.819.120	23.590.000
12. Chi phí khác	32		208.265.432	1.700.000
13. Lợi nhuận khác	40		7.553.688	21.890.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.458.313.639	5.793.324.148
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.07	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.458.313.639	5.793.324.148
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.08	983	2.317

(*) Số liệu so sánh năm trước là năm 2007 (từ 01/11/2006 đến 31/12/2007)

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Trần Văn Dương

Nguyễn Thị Phương

Nguyễn Thiện Cảnh

Đồng Nai, Ngày 03 tháng 02 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2008

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	19.624.857.053	38.222.043.620
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(15.886.392.134)	(29.463.807.815)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(2.810.716.135)	(2.955.723.499)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	-
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	-	(299.621.090)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	751.007.046	9.484.807.341
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(4.043.932.363)	(12.946.161.868)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.365.176.533)	2.041.536.689
II. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.479.240.923)	(15.633.105.267)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(18.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	33.617.573.841
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(1.116.309.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	38.110.892	206.776.606
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.441.130.031)	(925.063.820)
III. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	4.120.312.808
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	4.120.312.808
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(4.806.306.564)	5.236.785.677
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	5.236.785.677	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	430.479.113	5.236.785.677

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Văn Dương

Nguyễn Thị Phương

Nguyễn Thiện Cảnh

Đồng Nai, Ngày 03 tháng 02 năm 2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2008

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Vật Liệu Điện và Viễn Thông Sam Cường là công ty cổ phần được thành lập theo giấy đăng ký kinh doanh số 4703000342 ngày 20 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Đường số 1, Khu công nghiệp Long Thành, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai.

Văn phòng giao dịch đặt tại số 95 Huỳnh Đình Hai, Phường 14, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, dịch vụ, thương mại

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: sản xuất, lắp ráp các thiết bị, vật liệu và viễn thông. Mua bán, xuất nhập khẩu, đại lý ký gửi: thiết bị, nguyên vật liệu điện và viễn thông, hàng kim khí điện máy. Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Trang trí nội thất.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước Việt Nam ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 10 năm
- Máy móc, thiết bị	02 – 05 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02 – 07 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 – 05 năm

Tài sản cố định vô hình: *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất (47 năm).

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lý kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền	31/12/2008	1/1/2008
	VND	VND
Tiền mặt	6.144.460	13.718.793
Tiền gửi ngân hàng	424.334.653	5.223.066.884
- Ngân hàng VCB - Chi nhánh Bến Thành	252.522.870	1.903.003.484
- Ngân hàng VCB - Chi nhánh Biên Hòa	75.980.041	2.551.660.100
- Ngân hàng Phương Nam - PGD Điện Biên Phủ	18.730.858	78.551.533
- Ngân hàng Techcombank (Đồng Nai)	77.100.884	689.851.767
Cộng	430.479.113	5.236.785.677
2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2008	1/1/2008
	VND	VND
Phải thu khác		
- Cho mượn hàng	230.299.680	240.540.615
- Xuất hàng gửi bán chưa xuất hóa đơn	928.387.576	-
- Ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo hành	118.822.541	71.394.082
- Phải thu CBCNV tiền đầu tư vào Cty TNHH Cấp Thăng Long	-	904.371.000
- Phải thu khác	13.595.007	-
Cộng	1.291.104.804	1.216.305.697
3. Hàng tồn kho	31/12/2008	1/1/2008
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.884.004.322	3.123.426.212
Công cụ, dụng cụ	7.677.727	2.300.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.782.254.735	2.183.755.171
Thành phẩm	347.986.750	299.972.668
Hàng hoá	913.443.794	920.186.942
Cộng giá gốc hàng tồn kho	5.935.367.328	6.529.640.993
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	5.935.367.328	6.529.640.993
4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	31/12/2008	1/1/2008
	VND	VND
Thuế TNDN	299.621.090	299.621.090
Thuế TNCN tạm nộp	-	5.554.090
Cộng	299.621.090	305.175.180

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư đầu năm	224.666.169	1.451.319.343	1.191.503.772	39.308.000	2.906.797.284
Số tăng trong năm	5.795.264.648	6.283.444.387	493.546.364	-	12.572.255.399
- Mua trong năm		6.283.444.387	493.546.364	-	6.776.990.751
- Đầu tư XDCB hoàn thành (*)	5.795.264.648		-	-	5.795.264.648
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Thanh lý	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	6.019.930.817	7.734.763.730	1.685.050.136	39.308.000	15.479.052.683
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	33.699.924	452.751.398	145.266.068	16.378.330	648.095.720
Số tăng trong năm	300.010.125	1.351.700.569	326.192.021	19.653.996,00	1.997.556.711
- Khấu hao trong năm	300.010.125	1.351.700.569	326.192.021	19.653.996	1.997.556.711
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	333.710.049	1.804.451.967	471.458.089	36.032.326	2.645.652.431
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
Tại ngày đầu năm	190.966.245	998.567.945	1.046.237.704	22.929.670	2.258.701.564
Tại ngày cuối năm	5.686.220.768	5.930.311.763	1.213.592.047	3.275.674	12.833.400.252

(*) Công ty tạm tăng giá trị tài sản khoản đầu tư XDCB, sau khi quyết toán công trình sẽ được điều chỉnh lại theo nguyên giá được quyết toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình		
Số dư đầu năm	5.461.580.464	5.461.580.464
Số tăng trong năm	-	-
Số giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	5.461.580.464	5.461.580.464
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	126.932.848	126.932.848
Số tăng trong năm	108.799.584	108.799.584
Khấu hao trong năm	108.799.584	108.799.584
Số giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	235.732.432	235.732.432
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình		
Tại ngày đầu năm	5.334.647.616	5.334.647.616
Tại ngày cuối năm	5.225.848.032	5.225.848.032

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2008	1/1/2008
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	4.481.609.873
Trong đó:		
+ Công trình xây dựng nhà xưởng	-	4.326.925.073
+ Mua thiết bị thuộc dự án dây chuyên quang	-	154.684.800
Cộng	-	4.481.609.873

8. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2008	1/1/2008
	VND	VND
Góp vốn kinh doanh (*)	1.820.680.000	1.116.309.000
Cộng	1.820.680.000	1.116.309.000

(*) Góp vốn hợp tác kinh doanh thành lập PX cáp quang thuộc Cty TNHH Cáp Thăng Long, với tỷ lệ 5% # 2.240.680.000 đồng, trong đó vốn góp của CBCNV là 420.000.000 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2008	1/1/2008
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	259.584.396	-
Cộng	259.584.396	-
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31/12/2008	1/1/2008
	VND	VND
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	53.535.443
Thuế xuất, nhập khẩu	-	43.907.925
Thuế GTGT đầu ra	90.282.615	-
Thuế TNCN	79.104.610	-
Cộng	169.387.225	97.443.368
11. Chi phí phải trả	31/12/2008	1/1/2008
	VND	VND
Trích trước Chi phí tiền ăn + phụ cấp tháng 12	57.981.250	47.428.500
Chi phí phải trả khác	-	1.000.000
Cộng	57.981.250	48.428.500
12. Các khoản phải trả, phải nộp khác	31/12/2008	1/1/2008
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	-	69.137.720
Kinh phí công đoàn	9.588.107	40.436.727
Bảo hiểm xã hội	64.337.140	-
Bảo hiểm y tế	12.246.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	2.088.293.063	2.053.546.201
Cộng	2.174.464.310	2.163.120.648
(*) Gồm có:		
+ Cổ tức chưa nhận	1.912.045.011	1.966.250.000
+ Các khoản khác	176.248.052	87.296.201

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

13. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	-	-	-	-
Tăng vốn trong năm trước	25.000.000.000			-
Lãi trong năm trước				5.793.324.148
Trích lập quỹ ĐTPT, dự phòng tài chính		1.348.513.252	289.666.207	(1.638.179.459)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, CSXH				(937.875.241)
Chi trả cổ tức 12%				(3.000.000.000)
Giảm khác				(217.269.448)
Số dư cuối năm trước	25.000.000.000	1.348.513.252	289.666.207	-
Lãi trong năm nay				2.458.313.639
Trích lập các quỹ ĐTPT, dự phòng tài chính		241.742.514	125.000.000	(366.742.514)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, CSXH				(625.000.000)
Chi trả cổ tức 6%				(1.500.000.000)
Tăng khác				33.428.875
Số dư cuối năm nay	25.000.000.000	1.590.255.766	414.666.207	-

(*) Ghi chú: Công ty tạm chia cổ tức và trích các quỹ từ lợi nhuận năm 2008. Số liệu chính thức sẽ được thông qua Đại hội cổ đông.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2008	1/1/2008
	VND	VND
Vốn đầu tư của nhà nước	-	-
Vốn góp (cổ đông)	25.000.000.000	25.000.000.000
Cộng	25.000.000.000	25.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	25.000.000.000	-
Vốn góp tăng trong năm	-	25.000.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	25.000.000.000	25.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.500.000.000	3.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2008	1/1/2008
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.500.000	2.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.500.000	2.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.500.000	2.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.500.000	2.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

d) Các quỹ của Công ty

	31/12/2008	1/1/2008
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.590.225.766	1.348.513.252
Quỹ dự phòng tài chính	414.666.207	289.666.207
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	1.029.622.816	700.126.086

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	34.140.232.065	39.493.314.392
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	33.979.481.463	38.971.296.502
<i>Trong đó: + Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>9.599.967.890</i>	<i>9.555.328.952</i>
<i>+ Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>24.379.513.573</i>	<i>29.415.967.550</i>
Doanh thu cung cấp dịch vụ, bán phế liệu	160.750.602	522.017.890

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2. Các khoản giảm trừ doanh thu	75.324.800	88.837.600
Chiết khấu thương mại	-	41.666.200
Giảm giá hàng bán	40.410.000	10.800.000
Hàng bán bị trả lại	34.914.800	36.371.400
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	34.064.907.265	39.404.476.792
Doanh thu thuần thành phẩm, hàng hoá	33.904.156.663	38.882.458.902
Doanh thu thuần dịch vụ, bán phế liệu	160.750.602	522.017.890
4. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	8.127.008.647	8.046.331.015
Giá vốn của thành phẩm đã bán	19.928.199.925	21.038.971.998
Cộng	28.055.208.572	29.085.303.013
5. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	37.298.278	894.383.776
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.539.138	16.662.485
Cộng	48.837.416	911.046.261
6. Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	203.971	28.655.564
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	-
Cộng	203.971	28.655.564

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Theo qui định trong thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 và thông tư số 88/2004/TT-BTC ngày 01/09/2004, công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 15% áp dụng trong 12 năm kể từ khi doanh nghiệp bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh. Ưu đãi miễn thuế TNDN 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo. Năm 2007 (từ 01/11/2006 đến 31/12/2007) là năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế. Năm 2008 là năm thứ 2 doanh nghiệp được miễn thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.458.313.639	5.793.324.148
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng		
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.458.313.639	5.793.324.148
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.500.000	2.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	983	2.317

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.205.395.815	18.978.072.034
Chi phí nhân công	3.091.064.073	4.647.931.450
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.066.826.666	775.025.568
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.002.384.826	731.516.837
Chi phí khác bằng tiền	852.820.011	1.097.589.868
Cộng	24.218.491.391	26.230.135.757

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

* **Số liệu so sánh:** Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 đã được Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) kiểm toán. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

Người lập biểu



Trần Văn Dương

Đồng Nai, Ngày 03 tháng 02 năm 2009

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Phương

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thiện Cảnh